TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2023/DS-PT
Ngày 20 tháng 3 năm 2023
"V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu mở lối đi chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 570/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu mở lối đi chung".*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 180/2023/QĐPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1954 (Chết ngày 11/02/2022);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Đ và cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

1.1. Ông Nguyễn Văn T[1], sinh năm 1953 - Vắng mặt;

1.2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 - Có mặt;

1.3. Anh Nguyễn Văn Tuấn E, sinh năm 1986 - Vắng mặt;

1.4. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1990 - Vắng mặt;

1.5. Anh Nguyễn Văn T[2], sinh năm 1992 - Vắng mặt;

Cùng trú: Ấp 2, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện hợp pháp của các anh: Nguyễn Văn Tuấn E, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T[2]: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 (Văn bản ủy quyền ngày 09/8/2022 và ngày 10/8/2022) - Có mặt;

1.6. Anh Nguyễn Văn L[1], sinh năm 1982 - Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp 1, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp;

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1966 - Có mặt;

Địa chỉ: Ấp 2, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị C, sinh năm 1965 - Vắng mặt;

3.2. Anh Nguyễn Tuấn C[1], sinh năm 1990 - Vắng mặt;

3.3. Anh Nguyễn Minh D, sinh năm 1990 - Vắng mặt;

3.4. Anh Nguyễn Chí L[2], sinh năm 2002 - Vắng mặt;

3.5. Chị Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 2010 - Vắng mặt;

Cùng trú: Ấp 2, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị C và các anh, chị: Nguyễn Tuấn C[1], Nguyễn Minh D, Nguyễn Chí L[2], Nguyễn Thị Kim Q: Ông Nguyễn Văn L (Văn bản ủy quyền ngày 20/3/2020) - Có mặt;

3.6. Ông Nguyễn Văn Đ[1], sinh 1952 - Vắng mặt;

3.7. Ông Nguyễn Văn N[1], sinh năm 1962 - Vắng mặt;

3.8. Anh Phạm Thanh E[1], sinh năm 1968 - Vắng mặt;

3.9. Anh Phạm Thanh H, sinh năm 1975 - Vắng mặt;

3.10. Anh Phạm Thanh T[3], sinh năm 1979 - Vắng mặt;

3.11. Anh Phạm Hồng V, sinh năm 1972 - Vắng mặt;

Cùng trú: Ấp 2, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp;

3.12. Ông Nguyễn Thanh Đ[2], sinh năm 1950 - Có mặt;

Địa chỉ: Ấp Đồng Xoài, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp;

3.13. Bà Nguyễn Thị N[2] (chứng minh nhân dân ghi sinh năm 1960, căn cước công dân ghi sinh năm 1959) - Có mặt;

Địa chỉ: Ấp 3, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp;

3.13. Ông Nguyễn Văn L[3], sinh năm 1964 - Có mặt;

Địa chỉ: Tổ 24, Khóm 2, thị trấn Hồng Ngự, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp;

3.14. Chị Phạm Thanh T[2], sinh năm 1989 - Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp 1, xã Thường Phước 2, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp;

3.15. Chị Phạm Thị N[3], sinh năm 1987 - Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp 3, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp;

3.16. Chị Phạm Thanh N[4], sinh năm 1973 - Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Bắc Trang, xã Tân Công Chí, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp;

3.17. Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ: Khóm Thượng 1, thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự: Ông Nguyễn Văn K - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự - Có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt;

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn L;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/3/2019 cùng các lời khai tiếp theo của nguyên đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trình bày:

Cha mẹ của bà Nguyễn Thị Đ là cụ Nguyễn Văn T[3] (chết năm 1966), cụ Thái Thị S (chết năm 2001) có phần đất diện tích 4.231 m^2 đất trồng lúa, tọa lạc xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự. Năm 1981, cha mẹ cho bà Đ diện tích ngang 12,55 mét giáp lộ ĐT 841, dài từ mí lộ đến mí ruộng, nay thuộc một phần thửa đất số 510, tờ bản đồ số 11, do ông Nguyễn Văn L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi được cho đất, bà Đ cất nhà ở khung gỗ, lợp tol, ngang 06 mét, dài 12,5 mét và trồng cây ăn trái trên diện tích được cho khoảng 300 m^2.

Năm 2003, em ruột của bà Đ là ông Nguyễn Văn L, được bà Đ đồng ý cho cất tiệm tạp hóa phía trước nhà của bà Đ. Đến ngày 01/8/2014 thì bà Đ với ông L tranh chấp đất, về việc ông L cất nhà vệ sinh trên diện tích đất của bà Đ được cha mẹ cho và yêu cầu chừa lối đi chung cho hai nhà. Ngày 14/8/2014, Ủy ban nhân dân xã Thường Phước 1 hòa giải thì hai bên thống nhất xuống trụ ranh (trụ đá), phần đất ai thì người đó sử dụng không tranh chấp về sau và thống nhất chừa lối đi chung chiều ngang 1,2 mét từ lộ ĐT 841 thẳng ra đến ruộng. Thực hiện biên bản hòa giải, Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức cắm trụ ranh, bà Đ thống nhất mở lối đi từ nhà đến ruộng, còn phần lối đi từ nhà bà Đ ra lộ ĐT 841 thì ông L không đồng ý. Ngày 17/01/2019, bà Đ có yêu cầu tách quyền sử dụng đất cha mẹ đã cho bà, diện tích 366,46 m^2. Ngày 22/01/2019, Ủy ban nhân dân xã mời hai bên hòa giải, nhưng ông L không đồng ý tách quyền sử dụng đất cho bà Đ.

Bà Đ và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Văn L đứng tên đối với diện tích 332,9 m^2 thuộc một phần thửa đất số 510, tờ bản đồ số 11 xã Thường Phước 1; Công nhận cho bà Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đ) phần diện tích trên; Đồng

thời buộc ông L thực hiện việc mở lối đi theo Biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã Thường Phước 1 vào ngày 14/8/2014;

Bị đơn ông Nguyễn Văn L và đồng thời là người đại diện hợp pháp của các thành viên trong hộ ông L, trình bày:

Do ông là con út và sống chung với cha mẹ từ nhỏ đến lớn, nên cha mẹ cho ông toàn bộ diện tích đất, ông kê khai đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1993, đến năm 2006 được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 510, diện tích 4.231 m^2 đất trồng lúa, tờ bản đồ số 11, Ấp 2, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự. Năm 1982, chị ruột của ông là bà Nguyễn Thị Đ cất nhà ở trên đất như hiện tại, vì chị Đ không có chỗ ở nên ông nói với mẹ cho chị cất nhà ở, thì mẹ ông đồng ý. Năm 2002, ông thổi cát lấp hầm cặp lộ ĐT 841 và cất nhà như hiện nay, có chừa lối đi bên hông nhà phía dưới để đi ra ruộng ở phía sau và gia đình bà Đ cũng sử dụng lối đi này, còn trước năm 2002 thì bà Đ sử dụng lối đi phía trên nhà của ông để đi ra lộ.

Ông đồng ý mở lối đi ngang 1,2 mét từ lộ ĐT 841 đến phía sau đất nhà bà Đ và đồng ý cho bà Đ tiếp tục ở trên đất đến khi nào không ở nữa thì trả đất lại cho ông và không đồng ý tách quyền sử dụng đất cho bà Đ, vì đất này cha mẹ đã cho ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T^1 trình bày: Thống nhất ý kiến của bà Đoản.

Tại Biên bản ngày 28/01/2020, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà: Nguyễn Thanh $Đ^2$, Nguyễn Văn $Đ^1$, Nguyễn Văn L^3, Nguyễn Thị N^2, Nguyễn Văn N^1 đều trình bày: Các ông, bà đều là anh, chị, em ruột của bà Đ và ông L. Nguồn gốc đất là của cha mẹ, do ông L quản lý sử dụng. Ông $Đ^2$, ông L3 và bà N^2 cho rằng việc bà Đ cất nhà ở trên đất là do ông L cho phép, bà Đ tiếp tục ở vĩnh viễn không cần tách thửa sang tên; còn ông $Đ^1$ và ông N^1 lại cho rằng cụ S cho bà Đ cất nhà trên đất và nên tách thửa sang tên cho bà Đ, để sau này khi bà Đ và ông L qua đời, thì sau này sẽ không xảy ra tranh chấp. Các ông, bà đều không có yêu cầu gì cho riêng mình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 37, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều: 99, 100, 166, 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ (đã chết) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm các ông: Nguyễn Văn T^1, Nguyễn Văn L^1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Tuấn E, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T^2.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Đ gồm: Nguyễn Văn T[1], Nguyễn Văn L[1], Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Tuấn E, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T[2] được tiếp tục sử dụng phần đất thuộc một phần thửa 510, tờ bản đồ số 11, theo đo đạc thực tế có diện tích 332,9 m^2; được xác định tại vị trí 1 trên Mảnh trích đo địa chính số 07-2019; trong phạm vi các mốc (M1, M4, M7, M8, M1), loại đất trồng lúa; đất tọa lạc tại xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự thu hồi một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất thuộc một phần thửa 510, tờ bản đồ số 11, theo đo đạc thực tế có diện tích 332,9 m^2; được xác định tại vị trí 1 trên Mảnh trích đo địa chính số 07-2019; trong phạm vi các mốc (M1, M4, M7, M8, M1), loại đất trồng lúa; đất tọa lạc tại xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp do hộ ông Nguyễn Văn L đang đứng tên quyền sử dụng đất để cấp lại cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Đ gồm: Nguyễn Văn T[1], Nguyễn Văn L[1], Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Tuấn E, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T[2] được đứng tên, quản lý sử dụng.

- Chấp nhận yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Đ, gồm: Nguyễn Văn T[1], Nguyễn Văn L[1], Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Tuấn E, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T[2] về việc mở lối đi chung;

Xác định lối đi chung ở 02 vị trí gồm: Diện tích 35,5 m^2 thuộc một phần thửa 510, tờ bản đồ số 11, ở vị trí 2 và diện tích 19,2 m^2 thuộc một phần thửa 119, tờ bản đồ số 12 ở vị trí 3 trên Mảnh trích đo địa chính số 07-2019 là lối đi chung của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Đ gồm: Nguyễn Văn T[1], Nguyễn Văn L[1], Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Tuấn E, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T[2] và hộ ông Nguyễn Văn L (gồm ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị C, anh Nguyễn Tuấn C[1], anh Nguyễn Minh D, anh Nguyễn Chí L[2] và chị Nguyễn Thị Kim Q).

Buộc hộ ông Nguyễn Văn L (gồm ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị C, anh Nguyễn Tuấn C[1], anh Nguyễn Minh D, anh Nguyễn Chí L[2] và chị Nguyễn Thị Kim Q) phải có nghĩa vụ di dời cây trồng (cây xoài) và vật kiến trúc có trên phần đất (hàng rào lưới B40) trên phần diện tích được xác định là lối đi chung của bên bà Đ và bên ông L.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/7/2019 và sơ đồ Mảnh trích đo số 07-2019 ngày 15/7/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự).

Các đương sự được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên và chịu trách nhiệm nộp các khoản thu theo quy định của pháp luật (nếu có).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/9/2022, bị đơn ông Nguyễn Văn L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Đ và buộc gia đình bà Đ trả đất lại cho ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Nguyễn Văn L giữ nguyên kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đ phải trả lại cho ông 366,46 m^2 đất và ông không đồng ý mở lối đi chung.

Ông Nguyễn Thanh Đ[2] trình bày đất là của cha mẹ để lại, mẹ đồng ý cho bà Đoản cất nhà ở từ năm 1982. Ông đồng ý cho gia đình bà Đ ở vĩnh viễn chỉ trong phạm vi nền nhà đang ở, còn diện tích ngoài nền nhà thì phải trả lại cho ông L.

Bà Nguyễn Thị N[2] trình bày nguồn gốc đất là của cha mẹ để lại, mẹ đồng ý cho bà Đ cất nhà ở từ năm 1982. Nay các con của bà Đ hỗn hào, không tôn trọng các cậu dì của chúng, nên bà yêu cầu Tòa án buộc gia đình bà Đ trả toàn bộ đất lại cho ông L.

Ông Nguyễn Văn L[3] trình bày nguồn gốc đất là của cha mẹ để lại, mẹ đồng ý cho bà Đ cất nhà ở từ năm 1982 cho đến khi nào có chỗ ở khác thì đi. Nay Nhà nước đã cấp cho gia đình bà Đ một cái nền nhà, nên ông yêu cầu gia đình bà Đ đến ở tại nền nhà Nhà nước cấp và trả toàn bộ đất lại cho ông L.

Anh Nguyễn Văn T không đồng ý kháng cáo của ông L. Diện tích gia đình anh ở hiện nay không khác gì so với diện tích ghi nhận tại Biên bản hòa giải của xã ngày 14/8/2014.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo hợp lệ về hình thức. Về nội dung, đề nghị bác kháng cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn L đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, các đương sự vắng mặt đều không vì lý do bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt họ.

[2] Các bên đương sự đều thừa nhận phần đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 510, diện tích 4.231 m^2, tờ bản đồ số 11, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Văn T[3] và cụ Thái Thị S tạo lập. Vào năm 1982, cụ S cho bà Nguyễn Thị Đ một phần diện tích và bà Đ đã cất nhà ở, trồng cây ăn trái trên diện tích hiện nay đo đạc thực tế là 332,9 m^2. Do

ông Nguyễn Văn L là con út, sống cùng cha mẹ, nên cụ S để cho ông L kê khai, đăng ký đất và ông L đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 18/12/1993, được cấp đổi thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 002274 ngày 05/9/2006.

[3] Tuy cụ S cho đất để bà Đ cất nhà ở, trồng cây từ năm 1982 chỉ bằng lời nói, không lập giấy tờ, nhưng bị đơn ông L và tất cả các anh chị em ruột của ông L, bà Đ đều biết, nhưng không ai tranh chấp và chính ông L cũng trình bày ông là người xin cha mẹ cho bà Đ cất nhà ở trên đất. Bà Đ đã cất nhà ở trên đất ổn định từ năm 1982, trước khi ông L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu năm 1993.

Sau khi cụ S chết, bà Đ và ông L phát sinh tranh chấp. Tại Biên bản hòa giải ngày 14/8/2014 của Ủy ban nhân dân xã Thường Phước 1 (Bút lục số 18, 19), thì bà Đ và ông L đã hòa giải thành, thống nhất xuống trụ ranh phân chia đất của đôi bên, xác định vị trí đất dành cho lối đi chung có chiều ngang 1,2 mét từ tỉnh lộ ĐT 841 thẳng ra đến ruộng. Ủy ban nhân dân xã Thường Phước 1 cũng đã tổ chức thực hiện cắm trụ ranh đất xong, theo Biên bản thực hiện Biên bản giải thành đo đạc và xuống trụ ngày 14/8/2014 (bút lục số 17).

Theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 15/7/2019 và Mảnh trích đo số 07-2019 của Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự (bút lục số 65, 66, 67) thể hiện, ngoài lối đi chung được Ủy ban nhân dân xã hòa giải và cắm trụ đá ngày 14/8/2014, thì hộ bà Đ không còn lối đi nào khác để ra Tỉnh lộ ĐT 841.

Do đó, Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện, công nhận diện tích 332,9 m^2 cho bà Đ (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đ) và xác định lối đi chung ở vị trí 2 có diện tích 35,5 m^2 và vị trí 3 có diện tích 19,2 m^2; buộc hộ gia đình ông L di dời cây xoài và hàng rào lưới B40 ra khỏi lối đi, để làm lối đi chung giữa hộ bà Đ với hộ ông L là có căn cứ.

[4] Ông Nguyễn Văn L kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông là có căn cứ và hợp pháp, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[5] Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Quyết định của Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn L; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ (đã chết).

2.1. Công nhận cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Đ, gồm các đương sự: Nguyễn Văn T^1, Nguyễn Văn L^1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Tuấn E, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T^2 được quyền sử dụng phần đất diện tích 332,9 m^2, thuộc một phần thửa 510, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Diện tích, kích thước, hình thể, giáp giới đất được xác định tại vị trí 1, trong phạm vi các mốc (M1, M4, M7, M8, M1), theo Mảnh trích đo địa chính số 07-2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự lập ngày 15/7/2019 (đính kèm theo Bản án này).

2.2. Công nhận diện tích 35,5 m^2 (tại vị trí 2) và diện tích 19,2 m^2 (tại vị trí 3) của Mảnh trích đo địa chính số 07-2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự lập ngày 15/7/2019, là lối đi chung của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Đ với hộ ông Nguyễn Văn L.

Buộc hộ ông Nguyễn Văn L (gồm ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị C, anh Nguyễn Tuấn C^1, anh Nguyễn Minh D, anh Nguyễn Chí L^2 và chị Nguyễn Thị Kim Q) di dời cây trồng (cây xoài) và vật kiến trúc có trên phần đất (hàng rào lưới B40) trên phần diện tích được xác định là lối đi chung của hộ bà Đ và hộ ông L.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất được công nhận cho mình, theo quy định của pháp luật về đất đai.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự thu hồi, điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 002274 ngày 05/9/2006 đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn L, theo quyết định của Bản án này.

3. Ông Nguyễn Văn L phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* và được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0014042 ngày 26/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4. Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, NTHN (24b).

Phạm Văn Công